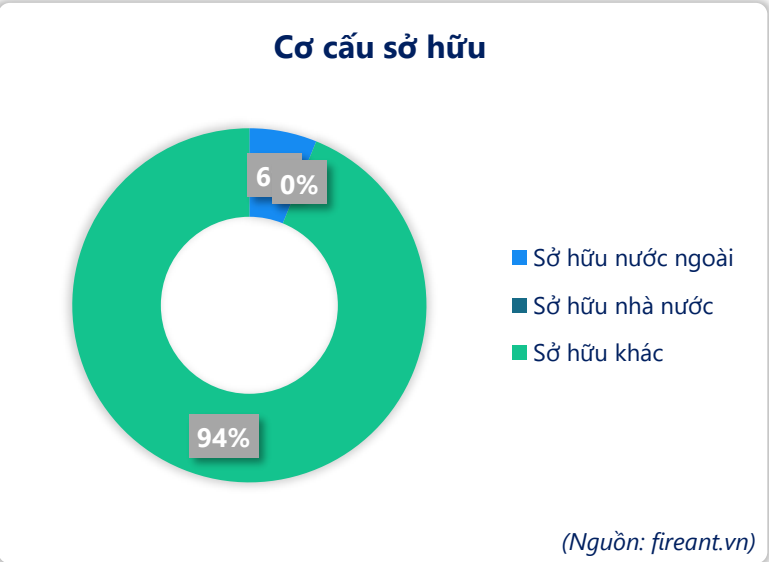
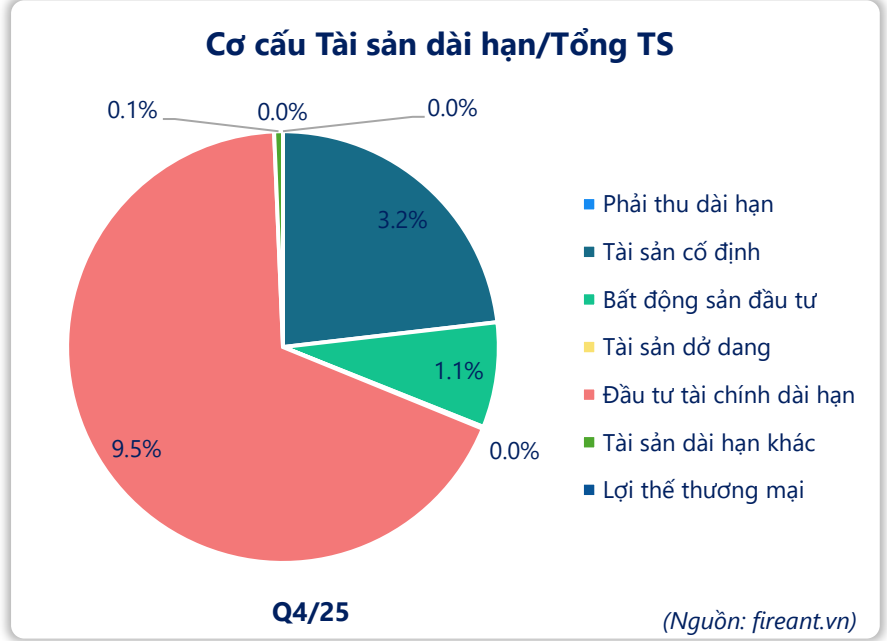
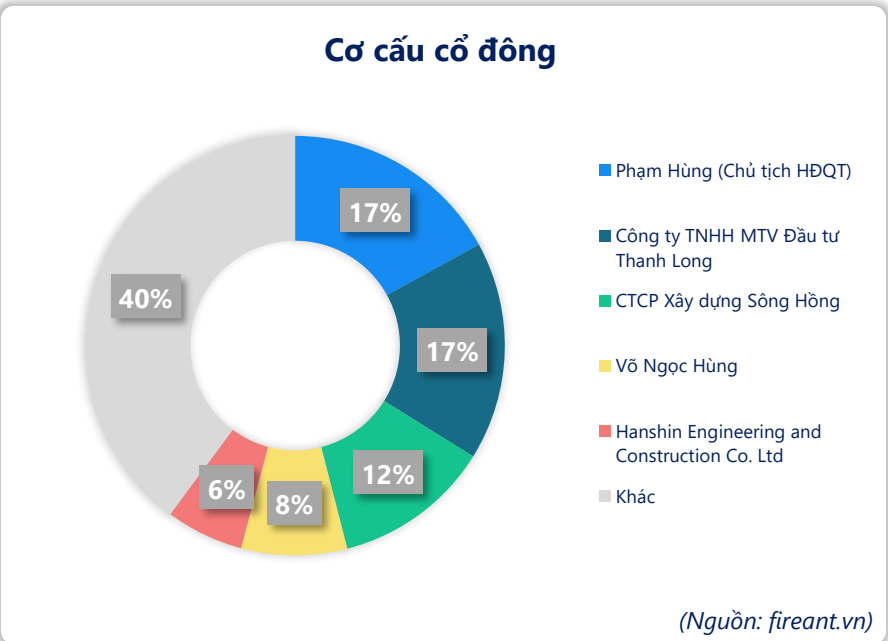
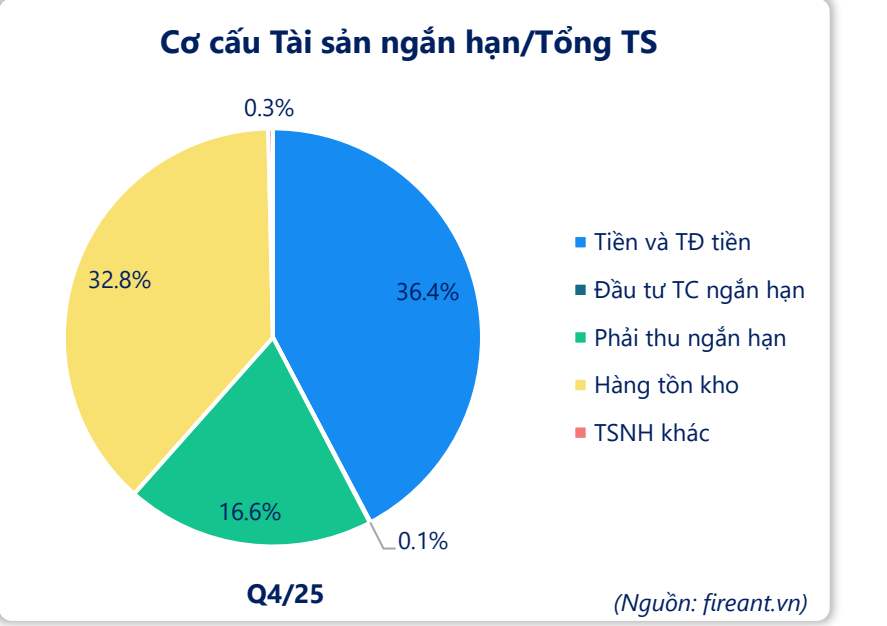
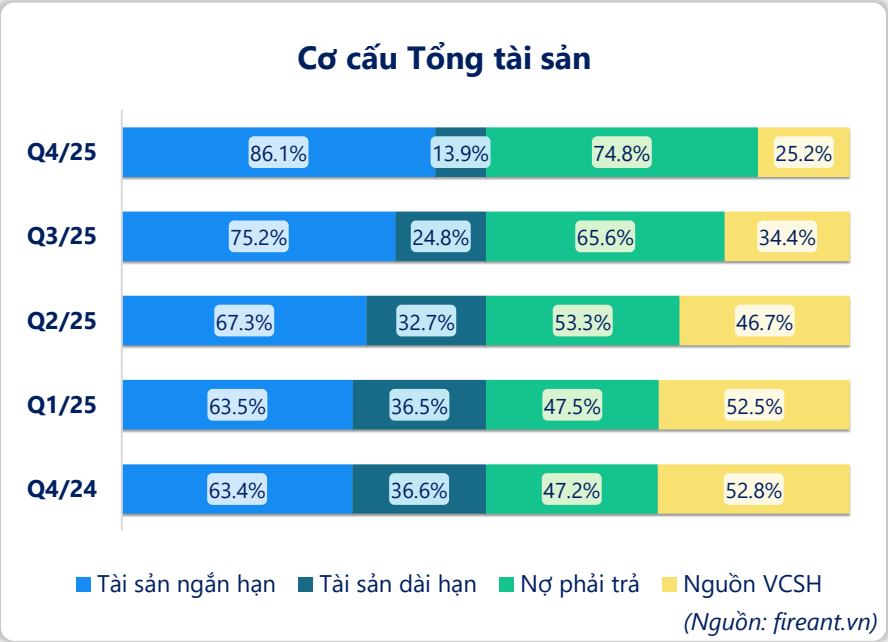


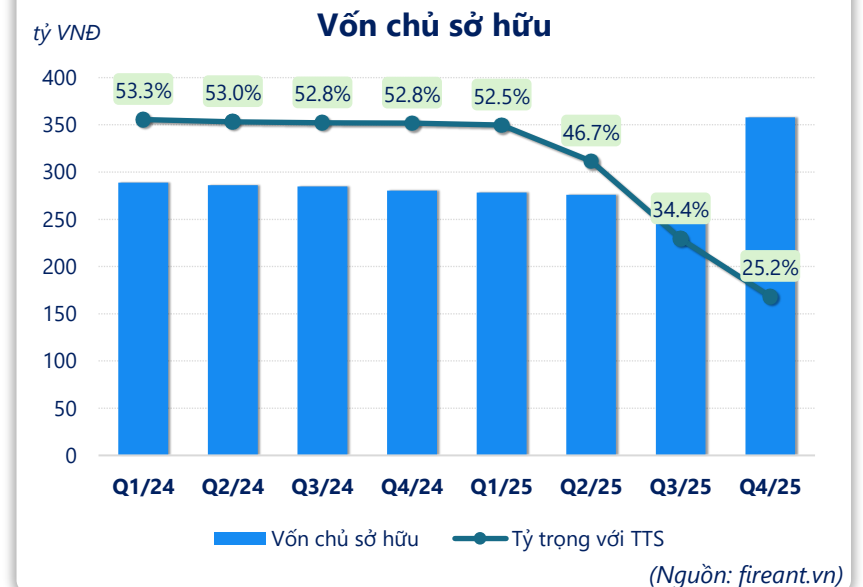
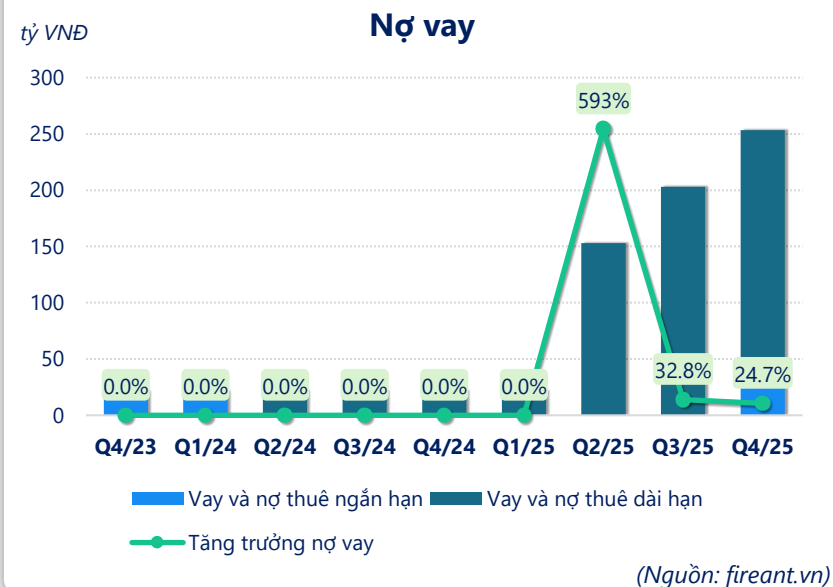
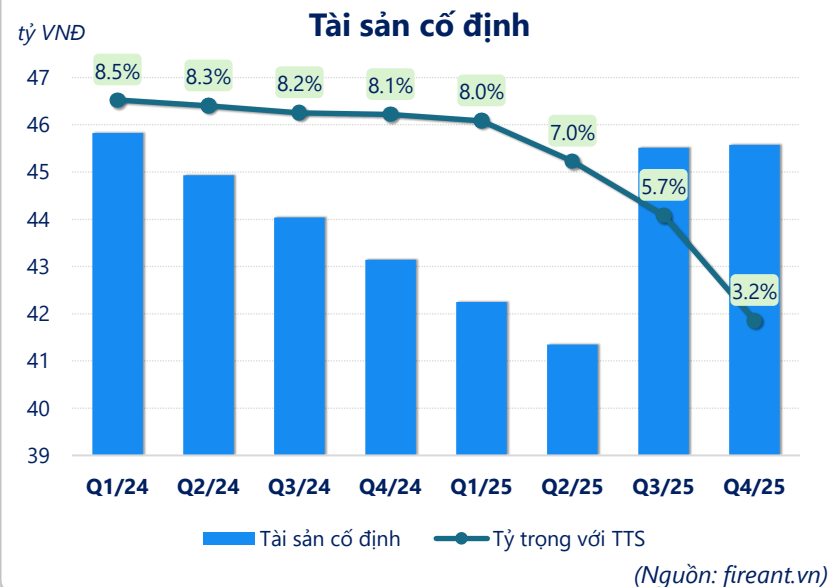
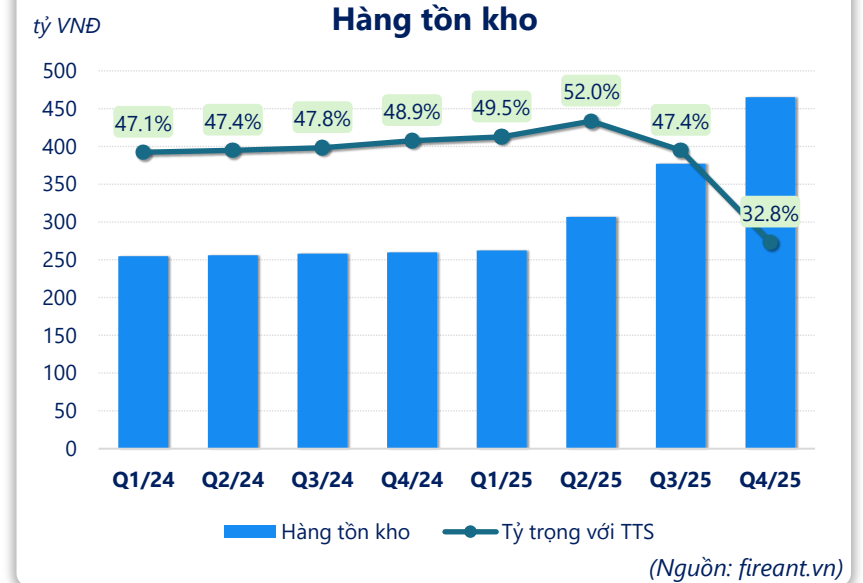
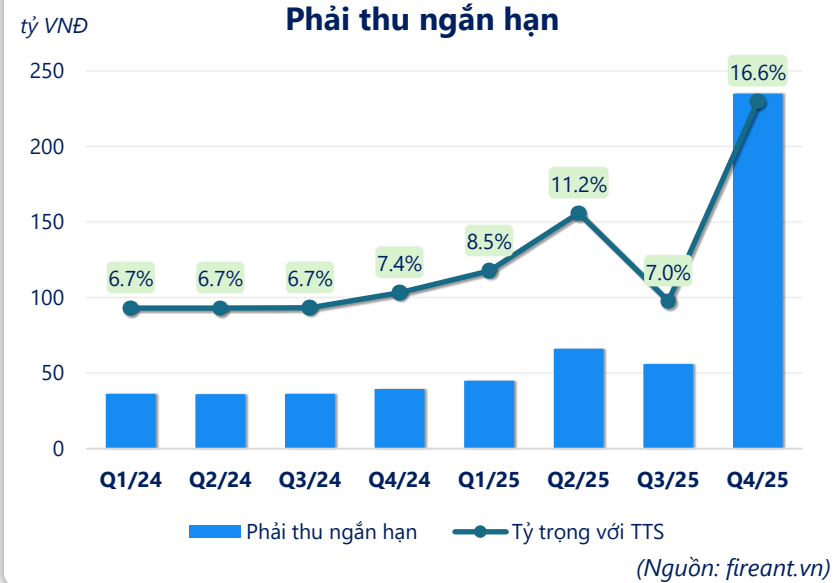
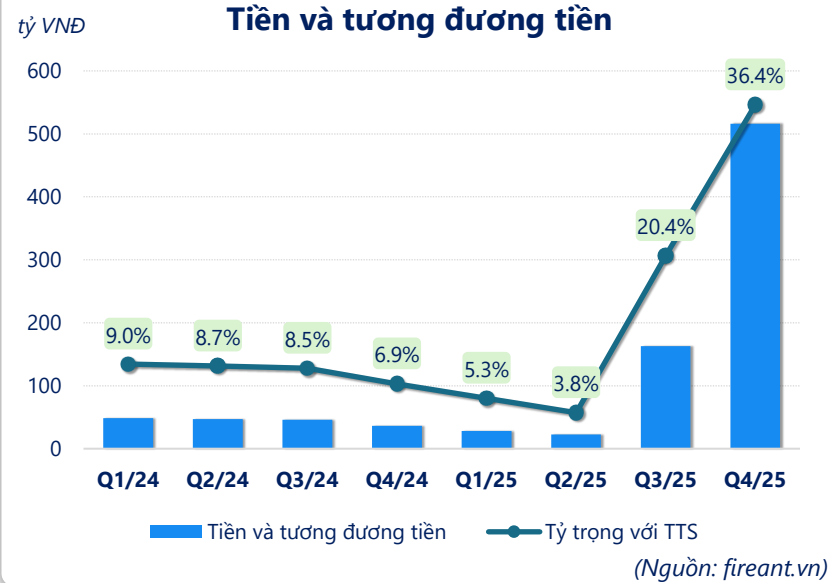
Thông tin giao dịch		31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		17,800
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		19,500
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		7,400
SL cổ phiếu LH		17,572,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		11,925
% sở hữu nước ngoài		6.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		313
P/E		16.1
EPS		1,107

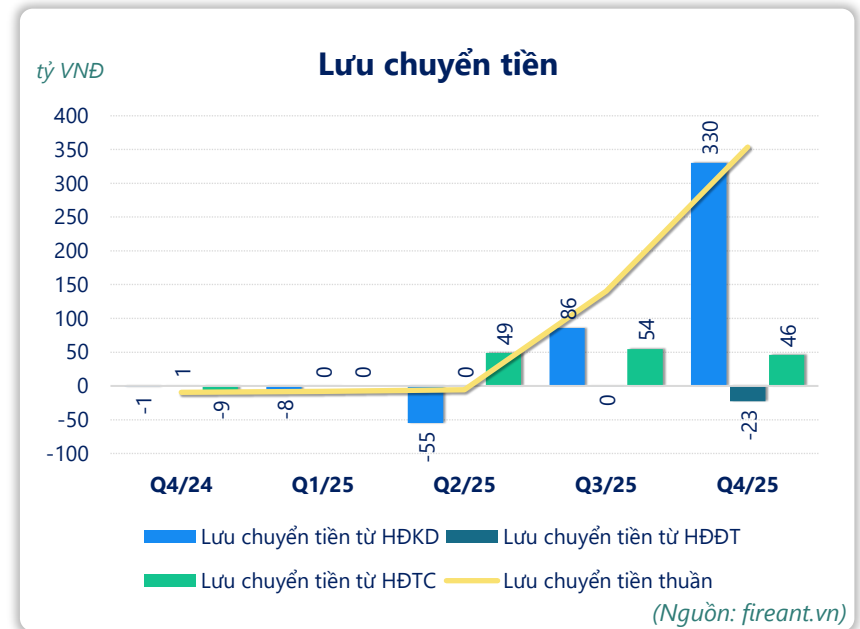
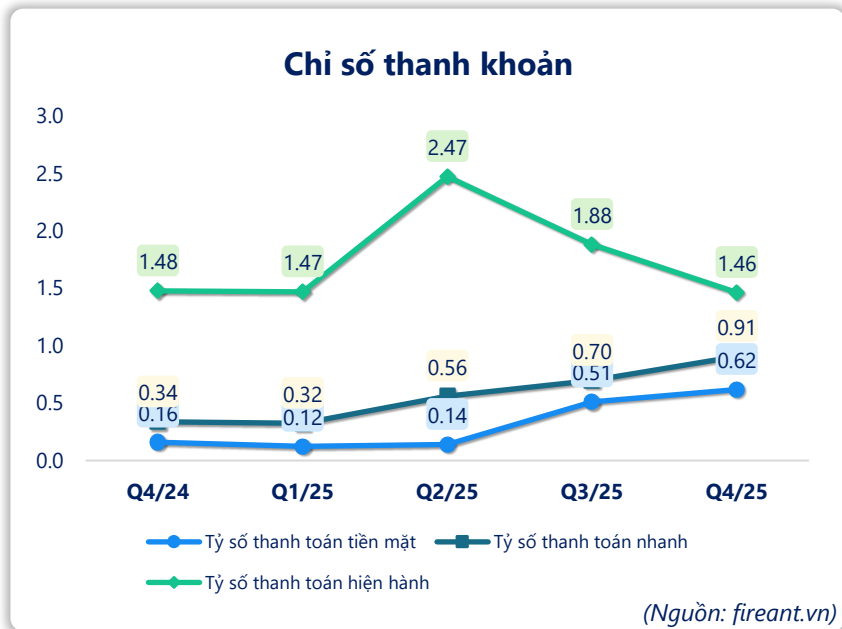
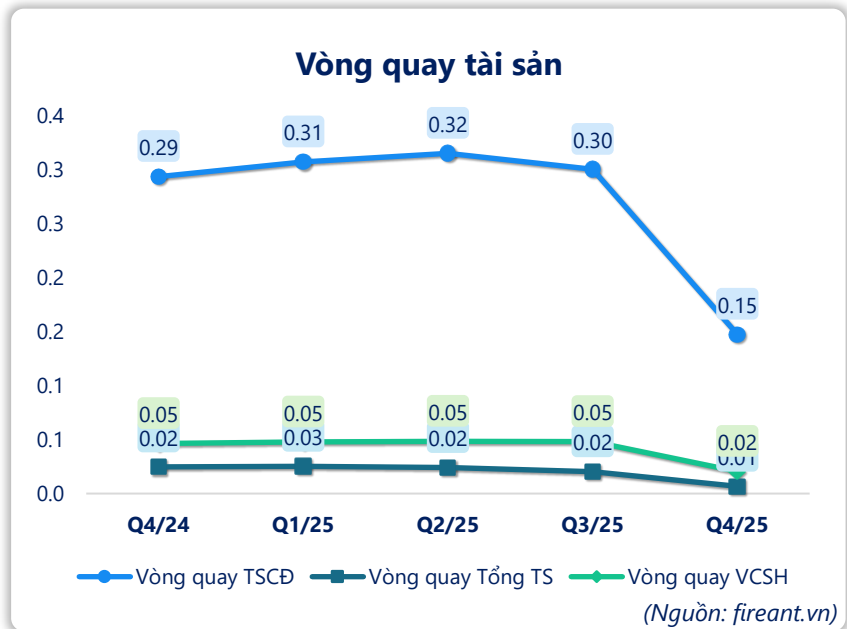
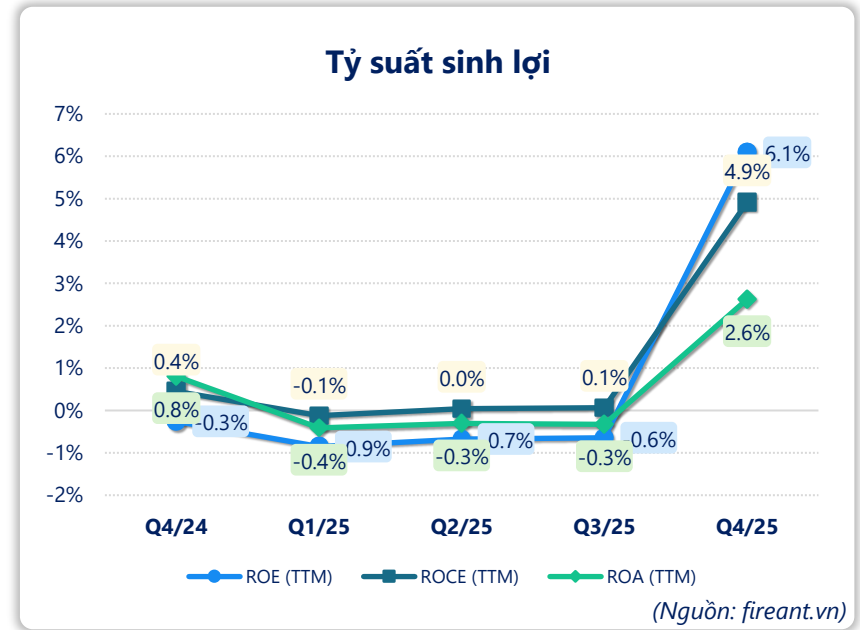
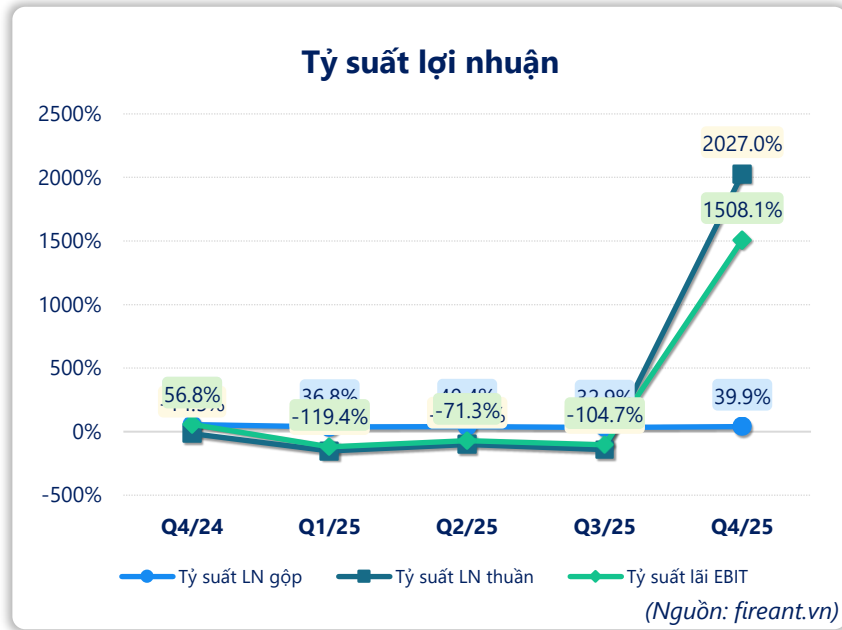
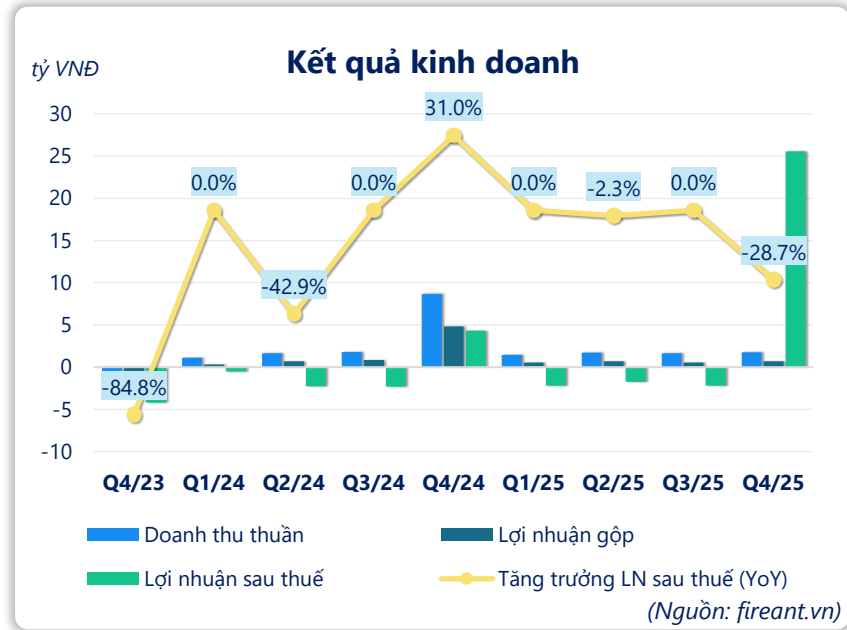
	YTD	1T	3T	6T
ICG	125.3%	0.0%	12.7%	78.0%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%



CTCP Xây dựng Sông Hồng (HNX: ICG)







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	1,418	531	167%
Tài sản ngắn hạn	1,222	337	263%
Tiền và tương đương tiền	516	36.5	1316%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.82	0.78	4.2%
Phải thu ngắn hạn	235	39.5	495%
Hàng tồn kho	465	260	79.0%
Tài sản ngắn hạn khác	4.41	0.01	67645%
Tài sản dài hạn	197	195	1.1%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	45.6	43.1	5.6%
Bất động sản đầu tư	15.5	16.1	-3.7%
Tài sản dở dang	0.28	0.28	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	134	134	0.0%
Tài sản dài hạn khác	1.30	1.00	29.3%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,060	251	322%
Nợ ngắn hạn	836	228	266%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	29.0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	0.98	0.44	124%
Nợ dài hạn	225	22.8	888%
Vay và nợ thuê dài hạn	224	22.1	917%
Nguồn vốn chủ sở hữu	358	280	27.7%
Vốn chủ sở hữu	358	280	27.7%
Vốn điều lệ	200	200	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	8.65	1.45	1.71	1.63	1.75
Giá vốn hàng bán	3.84	0.91	1.02	1.10	1.05
Lợi nhuận gộp	4.81	0.53	0.69	0.54	0.70
Doanh thu HĐTC	0.60	0.10	0.30	0.01	38.7
Chi phí TC	0.48	0.47	0.47	0.48	0.81
Chi phí lãi vay	0.48	0.47	0.47	0.48	0.81
LN trong công ty LKLD	0	0	0.00	0.00	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	6.19	2.36	2.27	2.40	3.02
LN thuần từ HĐKD	-1.26	-2.20	-1.74	-2.33	35.5
Lợi nhuận khác	5.70	0	0.05	0.14	-9.91
LN trước thuế	4.44	-2.20	-1.69	-2.19	25.6
Lợi nhuận sau thuế	4.34	-2.20	-1.74	-2.19	25.6
LNST của CĐ cty mẹ	4.34	-2.20	-1.74	-2.19	25.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1.23	-8.24	-54.8	85.7	330
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	0.56	0.10	0.35	0.00	-22.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-8.79	0	48.6	54.5	45.9
Tiền đầu kỳ	45.9	36.5	28.3	22.5	163
Lưu chuyển tiền thuần	-9.46	-8.14	-5.84	140	354
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	36.5	28.3	22.5	163	516

(Nguồn: fireant.vn)